

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP HCM
TRƯỜNG THPT HÙNG VƯƠNG

ĐỊA LÍ - KHỐI LỚP: 12

TUẦN: 26 /HK2

GVTH: TRẦN THỊ HỒNG CẨM

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
CHỦ ĐỀ 11: ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH KINH TẾ

Bài 32 VẤN ĐỀ KHAI THÁC THỂ MẠNH Ở TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ

I. NHIỆM VỤ TỰ HỌC, NGUỒN TÀI LIỆU CẦN THAM KHẢO:

1. Sách giáo khoa Địa lí lớp 12 chương trình cơ bản:

- *Nội dung 1:* Đọc sách giáo khoa địa lí 12 từ trang 145 đến 149
- *Nội dung 2:* Vấn đề khai thác thể mạnh ở Trung du và miền núi Bắc bộ

2. Sử dụng Atlas của NXB Giáo dục

II. KIẾN THỨC CẦN GHI NHỚ:

Nội dung 1.

I. Khái quát chung:

- Gồm 15 tỉnh và chia thành 2 vùng:

Tây Bắc: Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình

Đông Bắc: Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ, Hà Giang, Tuyên Quang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Cạn, Thái Nguyên, Bắc Giang, Quảng Ninh.

- Giáp Trung Quốc, Lào, liền kề đồng bằng Sông Hồng, Bắc Trung Bộ và Vịnh Bắc Bộ

→ Có vị trí địa lí đặc biệt và giao thông vận tải đang được đầu tư tạo điều kiện thuận lợi giao lưu với các vùng khác trong nước và xây dựng nền kinh tế mở.

Nội dung 2.

II-Khai thác, chế biến khoáng sản và thủy điện

a. **Khoáng sản:** giàu khoáng sản bậc nhất nước ta, rất phong phú, gồm nhiều loại.

- Than: tập trung vùng Quảng Ninh, Na Dương, Thái Nguyên. Than dùng làm nhiên liệu cho các nhà máy luyện kim, nhiệt điện như Ưông Bí (150 MW), Ưông Bí mở rộng (300MW), Na Dương (110MW), Cẩm Phả (600MW)...

- Sắt ở Yên Bái, kẽm-chì ở Bắc Cạn, đồng-vàng ở Lào Cai, bô-xit ở Cao Bằng.

- Thiếc Tĩnh Túc

- Apatit Lào Cai

- Đồng-niken ở Sơn La.

→ giàu khoáng sản tạo điều kiện thuận lợi phát triển cơ cấu CN đa ngành.

* **Khó khăn:** các quặng nằm sâu trong lòng đất đòi hỏi phương tiện khai thác hiện đại & chi phí cao, cơ sở hạ tầng kém phát triển, thiếu lao động lành nghề...

b. **Thủy điện:** trữ năng lớn nhất nước ta.

- Trữ năng trên sông Hồng chiếm 1/3 trữ năng cả nước (11.000MW), trên sông Đà 6.000MW.

- Đã xây dựng: nhà máy thủy điện Sơn La trên sông Đà (2.400MW), Hòa Bình trên sông Đà (1.920MW), Thác Bà trên sông Chảy 110MW.

- Đang xây dựng thủy điện Tuyên Quang trên sông Gâm 342MW.

Đây là động lực phát triển cho vùng, nhất là việc khai thác và chế biến khoáng sản, tuy nhiên cần chú ý sự thay đổi môi trường.

Nội dung 3

III-Trồng và chế biến cây công nghiệp, cây dược liệu, rau quả cận nhiệt và ôn đới

a/ Điều kiện phát triển:

* Tự nhiên

Phần lớn là đất feralit trên đá phiến, đá vôi; đất phù sa cổ, đất phù sa ở các cánh đồng giữa núi: Than Uyên, Nghĩa Lộ, Điện Biên....

- Khí hậu nhiệt đới, ẩm, gió mùa, có mùa đông lạnh: Đông Bắc do ảnh hưởng gió mùa đông bắc nên có mùa đông lạnh nhất nước ta, Tây Bắc lạnh do nền địa hình cao → thuận lợi phát triển các cây công nghiệp có nguồn gốc cận nhiệt & ôn đới.

Khó khăn: -Địa hình hiểm trở,sương muối,thiếu nước về mùa đông...

* Kinh tế- xã hội

- Có truyền thống, kinh nghiệm sản xuất

- Có các cơ sở CN chế biến

- Chính sách, thị trường, vốn, kỹ thuật...thuận lợi

Khó khăn: Cơ sở chế biến còn nhiều hạn chế.

- Giao thông vận tải chưa hoàn thiện

b/ Tình hình phát triển và phân bố

Tên/loại	Tình hình phát triển và phân bố
- Chè	- Thái Nguyên, Phú Thọ, Yên Bái, Hà Giang...
- Hôi, tam thất, đỗ trọng...	- Hoàng Liên Sơn, Cao Bằng, Lạng Sơn...
- Đào, lê, táo, mận...	- Lạng Sơn, Cao Bằng...
- Rau ôn đới	- Sa Pa...

Nội dung 4

IV- Chăn nuôi gia súc:

Có nhiều đồng cỏ ở các cao nguyên cao 600-700m, thường không lớn nhưng có thể phát triển chăn nuôi đại gia súc:

- Bò sữa nuôi nhiều ở Mộc Châu, Sơn La. Tổng đàn bò 900.000 con, chiếm 16% đàn bò cả nước.

- Trâu 1,7 triệu con, chiếm 1/2 đàn trâu cả nước, nuôi rộng khắp.

→ cần giải quyết vấn đề giao thông, cải tạo các đồng cỏ, nâng cao năng suất để đẩy mạnh phát triển chăn nuôi đại gia súc trong vùng.

- Do giải quyết lương thực cho con người nên hoa màu dành nhiều cho chăn nuôi đã đẩy nhanh phát triển đàn lợn trong vùng, hơn 5,8 triệu con, chiếm 21% đàn lợn cả nước (2005).

Nội dung 5

V- Kinh tế biển

-Vùng biển Quảng Ninh giàu tiềm năng, đang cùng phát triển với vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc.

- Phát triển mạnh nuôi trồng & đánh bắt thủy sản, nhất là đánh bắt xa bờ.

- Du lịch biển - đảo là thế mạnh của vùng, tập trung ở vịnh Hạ Long.

- Cảng Cái Lân đang được xây dựng góp phần phát triển giao thông vận tải biển, tạo đà hình thành khu CN Cái Lân.

III. BÀI TẬP

A. TỰ LUẬN

Câu 1: Căn cứ vào Atlas Đại lý Việt Nam trang 26 hãy kể tên các trung tâm công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ theo yêu cầu sau:

STT	Trung tâm công nghiệp	Quy mô	Cơ cấu ngành CN
1			
2			

3			
4			

B. TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Tỉnh nào dưới đây **không** thuộc vùng Trung du miền núi Bắc Bộ

- A. Thái Nguyên. B. Bắc Ninh. C. Hòa Bình. D. Vĩnh Phúc.

Câu 2: Các tỉnh thuộc Tây Bắc của Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. Sơn La, Lai Châu, Thái Nguyên. B. Điện Biên, Tuyên Quang, Cao Bằng.
C. Phú Thọ, Bắc Giang, Quảng Ninh. D. Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình.

Câu 3: Ý nào sau đây đúng với vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. có dân số đông nhất so với các vùng khác trong cả nước.
B. có diện tích rộng nhất so với các vùng khác trong cả nước.
C. có kinh tế phát triển nhất.
D. tiếp giáp với Trung Quốc và Campuchia.

Câu 4: Điều khác biệt về vị trí Trung du và miền núi Bắc Bộ so với các vùng khác trong cả nước là

- A. có biên giới kéo dài với Trung Quốc và Lào. C. có tất cả các tỉnh giáp biển.
B. nằm vị trí trung chuyển giữa miền Bắc và miền Nam. D. giáp Lào và Campuchia.

Câu 5: Vùng giàu tài nguyên khoáng sản bậc nhất nước ta là

- A. Đồng bằng sông Cửu Long. C. Đồng bằng sông Hồng.
B. Tây Nguyên. D. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 6: Thế mạnh nào dưới đây là của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. khai thác và chế biến lâm sản, trồng lúa. C. khai thác và chế biến dầu khí, thủy điện.
B. khai thác và chế biến bột xít, thủy sản. D. khai thác và chế biến khoáng sản, thủy điện.

Câu 7: Trung du và miền núi Bắc Bộ không có thuận lợi tự nhiên cho phát triển

- A. thủy điện và khai thác khoáng sản.
B. cây công nghiệp và nuôi gia súc.
C. cây dược liệu cận nhiệt và ôn đới.
D. đánh bắt cá và khai thác dầu mỏ.

Câu 8: Thuận lợi để phát triển thủy điện ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. vùng núi có độ dốc lớn. B. có các cao nguyên, sơn nguyên.
C. nhiều sông suối có độ dốc lớn. D. địa hình ở các vùng khác nhau.

Câu 9: Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu nhất làm cho Trung du và miền núi Bắc Bộ có khả

năng đa dạng hóa cơ cấu kinh tế?

- A. Chính sách Nhà nước phát triển miền núi.
- B. Nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú.
- C. Giao lưu thuận lợi với các vùng khác.
- D. Nguồn lao động có nhiều kinh nghiệm.

Câu 10: Trung du và miền núi Bắc Bộ có các loại khoáng sản nào sau đây?

- A. Than, dầu mỏ, khí đốt.
- B. Than, sắt, đồng.
- C. Apatit, sắt, dầu mỏ.
- D. Đá vôi, cao lanh, khí đốt.

Câu 11: Khoáng sản có trữ lượng lớn nhất ở vùng trung du và miền núi Bắc Bộ là?

- A. Than.
- B. Dầu khí.
- C. Vàng.
- D. Bôxít.

Câu 12: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết khai thác bôxít có ở tỉnh nào sau đây thuộc Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Cao Bằng.
- B. Hà Giang.
- C. Lào Cai.
- D. Lai Châu.

Câu 13: Thuận lợi chủ yếu đối với chăn nuôi gia súc lớn ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. nhiều sông suối, nguồn nước mặt nhiều.
- B. có nhiều đồng cỏ trên các cao nguyên.
- C. khí hậu nóng ẩm có sự phân mùa rõ rệt.
- D. địa hình đa dạng, có các mặt bằng rộng.

Câu 14: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Lai Châu
- B. Hà Giang
- C. Cao Bằng.
- D. Quảng Ninh.

Câu 15 : Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào có số lượng trâu lớn nhất trong các tỉnh sau đây ?

- A. Lạng Sơn.
- B. Bắc Kạn.
- C. Thái Nguyên.
- D. Vĩnh Phúc.

Câu 16: Phát biểu nào sau đây không đúng với Trung du và miền núi Bắc Bộ ?

- A. Diện tích rộng lớn nhất cả nước.
- B. Có nhiều vịnh biển và đầm phá.
- C. Biên giới chung với hai quốc gia.
- D. Nhiều khoáng sản trữ lượng lớn .

Câu 17: Thế mạnh nông nghiệp nhiệt đới ở trung du và miền núi nước ta là

- A. cây lâu năm, chăn nuôi gia súc lớn.
- B. chăn nuôi gia cầm, cây lương thực.
- C. cây hàng năm, nuôi trồng thủy sản.
- D. nuôi trồng thủy sản, cây dược liệu .

Câu 18: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết trung tâm kinh tế nào sau đây thuộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Hải Phòng.
- B. Nam Định.
- C. Hải Dương
- D. Khải Nguyên .

Câu 19: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, các tỉnh thuộc Trung du và miền núi Bắc Bộ có mỏ đồng là

- A. Thái Nguyên, Bắc Kạn, Phú Thọ.
- B. Lai Châu, Lạng Sơn, Hà Giang.
- C. Cao Bằng, Hòa Bình, Tuyên Quang.
- D. Lào Cai, Sơn La, Bắc Giang.

Câu 20: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Nghi Sơn.
- B. Hòn La.
- C. Vũng Áng.
- D. Vân Đồn.

Câu 22: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết khu kinh tế cửa khẩu Trà Lĩnh thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Cao Bằng.
- B. Tuyên Quang.
- C. Lào Cai.
- D. Hà Giang.

Câu 23: Thuận lợi chủ yếu đối với phát triển cây công nghiệp cận nhiệt ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. nguồn nước mặt dồi dào nhiều nơi.
- B. Có nhiều loại đất feralit khác nhau
- C. diện tích rộng, nhiều kiểu địa hình.
- D. Có mùa đông lạnh, nhiệt độ hạ thấp.

Câu 24: Nguồn than khai thác ở Trung du và miền núi Bắc Bộ chủ yếu

- A. phục vụ cho nhu cầu đời sống của nhân dân trong vùng.
- B. làm phụ gia cho công nghiệp hóa chất.
- C. phục vụ cho ngành luyện kim.
- D. làm nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện và xuất khẩu.

Câu 25: Ý nào sau đây là thế mạnh tự nhiên để xây dựng các nhà máy thủy điện ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Các cao nguyên có mặt bằng rộng.
- B. Lượng mưa phân bố đều trong năm.
- C. Sông lớn chảy trên địa hình dốc.
- D. Chế độ nước sông theo mùa.

Câu 26: Hai nhà máy thủy điện có công suất lớn thuộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. Hòa Bình, Sơn La.
- B. Tuyên Quang, Thác Bà.
- C. Hàm Thuận, Đa Mi.
- D. Trị An, Yali.

Câu 27: Nhà máy thủy điện nào sau đây không thuộc Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Thác Bà.
- B. A Vương.
- C. Hòa Bình.
- D. Tuyên Quang.

Câu 28: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về ý nghĩa của việc phát triển thủy điện ở Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Tạo động lực cho vùng phát triển công nghiệp khai thác.
- B. Góp phần giảm thiểu lũ lụt cho đồng bằng sông Hồng.
- C. Làm thay đổi đời sống của đồng bào dân tộc ít người.
- D. Tạo việc làm tại chỗ cho người lao động ở địa phương.

Câu 29: Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh sản xuất công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. tạo tập quán và mô hình sản xuất mới cho lao động tại chỗ.
- B. tạo thêm nhiều việc làm, thay đổi cơ cấu kinh tế nông thôn.
- C. sử dụng hợp lý tài nguyên, phát triển nông nghiệp hàng hóa.

D. khai thác các thế mạnh và tăng cường sự phân hóa lãnh thổ.

Câu 30: Thuận lợi chủ yếu của khí hậu đối với phát triển nông nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là tạo điều kiện để

- A. sản xuất nông sản nhiệt đới.
- B. đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi.
- C. nâng cao hệ số sử dụng đất.
- D. nâng cao trình độ thâm canh.

Câu 31: Thế mạnh đặc biệt trong việc phát triển cây công nghiệp có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là do

- A. đất feralit trên đá phiến, đá vôi chiếm diện tích lớn.
- B. nguồn nước tưới đảm bảo quanh năm.
- C. có nhiều giống cây trồng cận nhiệt và ôn đới.
- D. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh.

Câu 32: Đặc điểm tự nhiên có ảnh hưởng lớn nhất đến việc hình thành vùng chuyên canh chè ở vùng trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. đất feralit giàu dinh dưỡng.
- B. khí hậu cận nhiệt đới trên núi có mùa đông lạnh.
- C. địa hình đồi thấp.
- D. lượng mưa lớn.

Câu 33: Cây công nghiệp được coi là thế mạnh của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. cà phê.
- B. chè.
- C. cao su.
- D. hồ tiêu.

Câu 34: Vùng Tây Bắc nước ta vẫn trồng được chè, cà phê do

- A. có khu vực địa hình thấp, kín gió.
- B. địa hình cao nên nhiệt độ giảm.
- C. có mùa đông lạnh.
- D. có 2 mùa rõ rệt.

Câu 35: Việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp và cây đặc sản ở Trung du và miền núi Bắc Bộ có tác động chủ yếu nào sau đây đối với phát triển kinh tế - xã hội?

- A. Tăng cường xuất khẩu lao động.
- B. Mở rộng các hoạt động dịch vụ.
- C. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp.
- D. Phát triển nông nghiệp hàng hóa.

Câu 36: Ý nghĩa lớn nhất của việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. thúc đẩy công nghiệp chế biến phát triển.
- B. đẩy nhanh quá trình đô thị hóa nông thôn.
- C. nâng cao đời sống cho người dân tại chỗ.
- D. phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa.

Câu 37: Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. cung cấp nguồn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến nông sản.
- B. tạo ra tập quán sản xuất mới cho người lao động ở địa phương.
- C. giải quyết việc làm cho người lao động thuộc các dân tộc ít người.
- D. cho phép phát triển một nền nông nghiệp hàng hóa hiệu quả cao.

Câu 38: Việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ gặp khó khăn chủ yếu nào sau đây?

- A. Mật độ dân số thấp, phong tục cũ còn nhiều.
- B. Trình độ thâm canh còn thấp, đầu tư vật tư ít.
- C. Nạn du canh, du cư còn xảy ra ở một số nơi.

D. Công nghiệp chế biến nông sản còn hạn chế.

Câu 39: Khó khăn lớn nhất về tự nhiên của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. bão và áp thấp nhiệt đới. C. sóng thần.
B. rét đậm, rét hại. D. cát bay, cát lún.

Câu 40: Ngành chăn nuôi lợn ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ phát triển là do

- A. có diện tích trồng hoa màu lớn. B. có nuồn lao động đông đảo.
C. có thị trường tiêu thụ lớn. D. có khí hậu thuận lợi.

IV. NỘI DUNG CHUẨN BỊ:

HS cần xem kỹ lý thuyết SGK trước khi tham khảo phần lý thuyết tóm lược và làm bài tập.

V-ĐÁP ÁN BÀI TẬP TỰ LUYỆN:

A.TỰ LUẬN

Câu 1: Căn cứ vào Atlas Đại lý Việt Nam trang 26 hãy kể tên các trung tâm công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ theo yêu cầu sau:

STT	Trung tâm công nghiệp	Quy mô	Cơ cấu ngành CN
1.	Việt Trì	Dưới 9 nghìn tỉ đồng	Hóa chất, phân bón, chế biến nông sản, sản xuất giấy, sản xuất vật liệu xây dựng
2	Thái Nguyên	Dưới 9 nghìn tỉ đồng	Luyện kim màu, luyện kim đen, cơ khí, vật liệu xây dựng
3	Hạ Long	Từ 9-40 nghìn tỉ đồng	Cơ khí, đóng tàu, than đá, chế biến nông sản
4	Cẩm Phả	Dưới 9 nghìn tỉ đồng	Đóng tàu, than đá

B. TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Tỉnh nào dưới đây **không** thuộc vùng Trung du miền núi Bắc Bộ

- B. Thái Nguyên. B. Bắc Ninh. C. Hòa Bình. D. Vĩnh Phúc.

Câu 2: Các tỉnh thuộc Tây Bắc của Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. Sơn La, Lai Châu, Thái Nguyên. B. Điện Biên, Tuyên Quang, Cao Bằng.
C. Phú Thọ, Bắc Giang, Quảng Ninh. D. Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình.

Câu 3: Ý nào sau đây đúng với vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. có dân số đông nhất so với các vùng khác trong cả nước.
B. có diện tích rộng nhất so với các vùng khác trong cả nước.
C. có kinh tế phát triển nhất.
D. tiếp giáp với Trung Quốc và Campuchia.

Câu 4: Điều khác biệt về vị trí Trung du và miền núi Bắc Bộ so với các vùng khác trong cả nước là

- A. có biên giới kéo dài với Trung Quốc và Lào.
- B. có tất cả các tỉnh giáp biển.
- C. nằm vị trí trung chuyển giữa miền Bắc và miền Nam.
- D. D. giáp Lào và Campuchia.

Câu 5: Vùng giàu tài nguyên khoáng sản bậc nhất nước ta là

- A. Đồng bằng sông Cửu Long.
- B. Đồng bằng sông Hồng.
- C. Tây Nguyên.
- D. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 6: Thế mạnh nào dưới đây là của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. khai thác và chế biến lâm sản, trồng lúa.
- B. khai thác và chế biến dầu khí, thủy điện.
- C. khai thác và chế biến bô xít, thủy sản.
- D. khai thác và chế biến khoáng sản, thủy điện.

Câu 7: Trung du và miền núi Bắc Bộ không có thuận lợi tự nhiên cho phát triển

- A. thủy điện và khai thác khoáng sản.
- B. cây công nghiệp và nuôi gia súc.
- C. cây dược liệu cận nhiệt và ôn đới.
- D. đánh bắt cá và khai thác dầu mỏ.

Câu 8: Thuận lợi để phát triển thủy điện ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. vùng núi có độ dốc lớn.
- B. có các cao nguyên, sơn nguyên.
- C. nhiều sông suối có độ dốc lớn.
- D. địa hình ở các vùng khác nhau.

Câu 9: Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu nhất làm cho Trung du và miền núi Bắc Bộ có khả năng đa dạng hóa cơ cấu kinh tế?

- A. Chính sách Nhà nước phát triển miền núi.
- B. Nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú.
- C. Giao lưu thuận lợi với các vùng khác.
- D. Nguồn lao động có nhiều kinh nghiệm.

Câu 10: Trung du và miền núi Bắc Bộ có các loại khoáng sản nào sau đây?

- A. Than, dầu mỏ, khí đốt.
- B. Apatit, sắt, dầu mỏ.
- C. Than, sắt, đồng.
- D. Đá vôi, cao lanh, khí đốt.

Câu 11: Khoáng sản có trữ lượng lớn nhất ở vùng trung du và miền núi Bắc Bộ là?

- A. Than.
- B. Dầu khí.
- C. Vàng.
- D. Bôxít.

Câu 12: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết khai thác bôxít có ở tỉnh nào sau đây thuộc Trung du và miền núi Bắc Bộ?

A. Cao Bằng.

B, Hà Giang.

C. Lào Cai.

D. Lai Châu,

Câu 13: Thuận lợi chủ yếu đối với chăn nuôi gia súc lớn ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

A. nhiều sông suối, nguồn nước mặt nhiều.

B. có nhiều đồng cỏ trên các cao nguyên.

C. khí hậu nóng ẩm có sự phân mùa rõ rệt.

D. địa hình đa dạng, có các mặt bằng rộng.

Câu 14: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy thuộc tỉnh nào sau đây?

A Lai Châu

B. Hà Giang

C. Cao Bằng.

D Quảng Ninh.

Câu 15 : Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào có số lượng trâu lớn nhất trong các tỉnh sau đây ?

A. Lạng Sơn.

B . Bắc Kạn.

C. Thái Nguyên.

D. Vĩnh Phúc.

Câu 16: Phát biểu nào sau đây không đúng với Trung du và miền núi Bắc Bộ ?

A. Diện tích rộng lớn nhất cả nước.

B. Có nhiều vịnh biển và đầm phá.

C. Biên giới chung với hai quốc gia.

D. Nhiều khoáng sản trữ lượng lớn .

Câu 17: Thế mạnh nông nghiệp nhiệt đới ở trung du và miền núi nước ta là

A. cây lâu năm, chăn nuôi gia súc lớn.

B. chăn nuôi gia cầm, cây lương thực.

C. cây hàng năm, nuôi trồng thủy sản.

D. nuôi trồng thủy sản, cây dược liệu .

Câu 18: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết trung tâm kinh tế nào sau đây thuộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

A.Hải Phòng.

B. Nam Định.

C. Hải Dương

D. Khái Nguyên .

Câu 19: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, các tỉnh thuộc Trung du và miền núi Bắc Bộ có mỏ đồng là

A. Thái Nguyên, Bắc Kạn, Phú Thọ.

B. Cao Bằng, Hòa Bình, Tuyên Quang.

C. Lai Châu, Lạng Sơn, Hà Giang.

D. Lào Cai, Sơn La, Bắc Giang.

Câu 20: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc Trung du và miền núi Bắc Bộ?

A. Nghi Sơn.

B. Hòn La.

C. Vũng Áng.

D. Vân Đồn.

Câu 22: Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 26, cho biết khu kinh tế cửa khẩu Trà Lĩnh thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Cao Bằng. B. Tuyên Quang. C. Lào Cai. D. Hà Giang.

Câu 23: Thuận lợi chủ yếu đối với phát triển cây công nghiệp cận nhiệt ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. nguồn nước mặt dồi dào nhiều nơi. B. Có nhiều loại đất feralit khác nhau
C. diện tích rộng, nhiều kiểu địa hình. D. Có mùa đông lạnh, nhiệt độ hạ thấp.

Câu 24: Nguồn than khai thác ở Trung du và miền núi Bắc Bộ chủ yếu

- A. phục vụ cho nhu cầu đời sống của nhân dân trong vùng.
B. làm phụ gia cho công nghiệp hóa chất.
C. phục vụ cho ngành luyện kim.
D. làm nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện và xuất khẩu.

Câu 25: Ý nào sau đây là thế mạnh tự nhiên để xây dựng các nhà máy thủy điện ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Các cao nguyên có mặt bằng rộng.
B. Sông lớn chảy trên địa hình dốc.
C. Lượng mưa phân bố đều trong năm.
D. Chế độ nước sông theo mùa.

Câu 26: Hai nhà máy thủy điện có công suất lớn thuộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. Hòa Bình, Sơn La. B. Tuyên Quang, Thác Bà.
C. Hàm Thuận, Đa Mi. D. Trị An, Yali.

Câu 27: Nhà máy thủy điện nào sau đây không thuộc Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Thác Bà. B. A Vương.
C. Hòa Bình. D. Tuyên Quang.

Câu 28: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về ý nghĩa của việc phát triển thủy điện ở Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Tạo động lực cho vùng phát triển công nghiệp khai thác.
B. Góp phần giảm thiểu lũ lụt cho đồng bằng sông Hồng.
C. Làm thay đổi đời sống của đồng bào dân tộc ít người.
D. Tạo việc làm tại chỗ cho người lao động ở địa phương.

Câu 29: Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh sản xuất công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. tạo tập quán và mô hình sản xuất mới cho lao động tại chỗ.
B. tạo thêm nhiều việc làm, thay đổi cơ cấu kinh tế nông thôn.
C. sử dụng hợp lý tài nguyên, phát triển nông nghiệp hàng hóa.
D. khai thác các thế mạnh và tăng cường sự phân hóa lãnh thổ.

Câu 30: Thuận lợi chủ yếu của khí hậu đối với phát triển nông nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là tạo điều kiện để

- A. sản xuất nông sản nhiệt đới. B. đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi.
C. nâng cao hệ số sử dụng đất. D. nâng cao trình độ thâm canh.

Câu 31: Thế mạnh đặc biệt trong việc phát triển cây công nghiệp có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là do

- A. đất feralit trên đá phiến, đá vôi chiếm diện tích lớn.
- B. nguồn nước tưới đảm bảo quanh năm.
- C. có nhiều giống cây trồng cận nhiệt và ôn đới.
- D. khí hậu nhiệt đới ẩm mùa, có mùa đông lạnh.

Câu 32: Đặc điểm tự nhiên có ảnh hưởng lớn nhất đến việc hình thành vùng chuyên canh chè ở vùng trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. đất feralit giàu dinh dưỡng.
- B. địa hình đồi thấp.
- C. khí hậu cận nhiệt đới trên núi có mùa đông lạnh.
- D. lượng mưa lớn.

Câu 33: Cây công nghiệp được coi là thế mạnh của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. cà phê.
- B. chè.
- C. cao su.
- D. hồ tiêu.

Câu 34: Vùng Tây Bắc nước ta vẫn trồng được chè, cà phê do

- A. có khu vực địa hình thấp, kín gió.
- B. có mùa đông lạnh.
- C. địa hình cao nên nhiệt độ giảm.
- D. có 2 mùa rõ rệt.

Câu 35: Việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp và cây đặc sản ở Trung du và miền núi Bắc Bộ có tác động chủ yếu nào sau đây đối với phát triển kinh tế - xã hội?

- A. Tăng cường xuất khẩu lao động.
- B. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp.
- C. Mở rộng các hoạt động dịch vụ.
- D. Phát triển nông nghiệp hàng hóa.

Câu 36: Ý nghĩa lớn nhất của việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. thúc đẩy công nghiệp chế biến phát triển.
- B. đẩy nhanh quá trình đô thị hóa nông thôn.
- C. nâng cao đời sống cho người dân tại chỗ.
- D. phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa.

Câu 37: Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. cung cấp nguồn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến nông sản.
- B. tạo ra tập quán sản xuất mới cho người lao động ở địa phương.
- C. giải quyết việc làm cho người lao động thuộc các dân tộc ít người.
- D. cho phép phát triển một nền nông nghiệp hàng hóa hiệu quả cao.

Câu 38: Việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ gặp khó khăn chủ yếu nào sau đây?

- A. Mật độ dân số thấp, phong tục cũ còn nhiều.
- B. Trình độ thâm canh còn thấp, đầu tư vật tư ít.
- C. Nạn du canh, du cư còn xảy ra ở một số nơi.
- D. Công nghiệp chế biến nông sản còn hạn chế.

Câu 39: Khó khăn lớn nhất về tự nhiên của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là
A. bão và áp thấp nhiệt đới.
B. sóng thần.
C. rét đậm, rét hại.
D. cát bay, cát lún.

Câu 40: Ngành chăn nuôi lợn ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ phát triển là do
A. có diện tích trồng hoa màu lớn.
B. có nuồn lao động đông đảo.
C. có thị trường tiêu thụ lớn.
D. có khí hậu thuận lợi.

Nếu có thắc mắc HS liên hệ GVBM để được hỗ trợ.